

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU

LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KHIẾU NẠI, LUẬT TỔ CÁO, LUẬT TIẾP CÔNG DÂN

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của của Luật Khiếu nại, Luật Tổ cáo, Luật Tiếp công dân số 136/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 78/2025/L-CTN ngày 12/12/2025.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (2021) đề ra yêu cầu đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, trong đó có công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xác định nhiệm vụ “*tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, phát huy quyền làm chủ của nhân dân*” thông qua cơ chế phản biện, khiếu nại, tố cáo.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân.

- Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Kết luận số 107-KL/TW ngày 24/12/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017; Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 và Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 134-KL/TW

ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật.

- Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tại Cuộc họp Thường trực Ban Chỉ đạo ngày 25/3/2025 (tại Thông báo số 61-TB/BCĐTW ngày 31/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực).

- Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi năm 2025) tại Điều 30 quy định:

“1. Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.

- Các Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2025, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Thanh tra năm 2025 có nhiều nội dung điều chỉnh mới về tổ chức bộ máy các cơ quan nên cần sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo có liên quan để phù hợp, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Cán bộ, công chức năm 2025; Luật Dữ liệu năm 2024; Luật Khoa học công nghệ...

2. Cơ sở thực tiễn

- Quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tỉnh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đặt ra yêu cầu sửa đổi, bổ sung Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo để đảm bảo thống nhất, đồng bộ, phù hợp với thực tiễn.

- Qua thực hiện cho thấy Luật Tiếp công dân năm 2013 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2014), Luật Khiếu nại năm 2011 (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2012), Luật Tố cáo năm 2018 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019) đã bộc lộ những hạn chế, bất cập cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN, LUẬT

1. Mục đích

- Thể chế hóa kịp thời, có hiệu quả chủ trương về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

- Khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo hiện hành, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

2. Quan điểm xây dựng

- Bám sát chủ trương, chính sách tại các Chỉ thị, Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; chủ trương cắt giảm thủ tục hành chính đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

- Bảo đảm tuân thủ Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi năm 2025) và tính đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật có liên quan.

IV. BỘ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- **Phạm vi điều chỉnh:** Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo.

- **Đối tượng áp dụng:** Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Bộ cục của Luật

Luật gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân.
- Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại.
- Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tố cáo.
- Điều 4. Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản

Luật tập trung sửa đổi, bổ sung những vấn đề sau:

Thứ nhất, thể chế hóa chủ trương về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; sắp xếp hệ thống cơ quan thanh tra tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả:

+ Lược bỏ quy định liên quan đến cấp huyện trong tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

+ Điều chỉnh thẩm quyền, trách nhiệm trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo mô hình tổ chức mới của chính quyền địa phương, tòa án, viện kiểm sát, thanh tra; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan tham mưu ở cấp xã, hoàn thiện cơ chế tham mưu ở cấp tỉnh, bộ, ngành trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Thứ hai, thể chế hoá chủ trương của Đảng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: bổ sung quy định về tiếp công dân trực tuyến; quy định công dân được sử dụng số căn cước công dân hoặc mã số định danh điện tử thay cho việc xuất trình giấy tờ tùy thân hiện nay khi đến nơi tiếp công dân.

Thứ ba, đẩy mạnh phân cấp phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính: (1) bổ sung quy định Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Tổng Thanh tra Chính phủ trong giải quyết tố cáo; (2) bổ sung cơ chế xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo trong trường hợp không xác định được thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành; (3) giao Chính phủ quy định hình thức tiếp công dân trực tuyến.

Thứ tư, khắc phục những bất cập, khó khăn, vướng mắc đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: (1) sửa đổi quy định tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; (2) bổ sung quy định về tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại; (3) bổ sung hình thức rút khiếu nại nhằm bảo đảm phù hợp với thực tiễn giải quyết khiếu nại.

Cụ thể như sau:

3.1. Nội dung lược bỏ

a) Luật lược bỏ 01/36 điều của Luật Tiếp công dân (Điều 13), 01/70 điều của Luật Khiếu nại (Điều 18) do chính quyền cấp huyện đã kết thúc hoạt động, phù hợp với thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, cụ thể:

- Về Luật Tiếp công dân: Lược bỏ quy định tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân cấp huyện (Điều 13).

- Về Luật Khiếu nại: Lược bỏ quy định về thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (Điều 18).

b) Luật lược bỏ một số nội dung tại các điểm, khoản của 02/36 điều của Luật Tiếp công dân (điểm d khoản 1 Điều 4, điểm c khoản 2 Điều 10), 01/70 điều của Luật Khiếu nại (khoản 8 Điều 6), 04/67 điều của Luật Tố cáo (khoản 2 Điều 13, khoản 2 và khoản 3 Điều 14, khoản 3 Điều 15, Điều 32) do chính quyền cấp huyện đã kết thúc hoạt động, phù hợp với thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, cụ thể:

- Về Luật Tiếp công dân: Lược bỏ quy định trách nhiệm tiếp công dân của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (nội dung tại điểm d khoản 1 Điều 4 Luật Tiếp công dân); lược bỏ quy định về Trụ sở tiếp công dân ở quận, huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh (điểm c khoản 2 Điều 10 Luật Tiếp công dân) do chính quyền cấp huyện đã kết thúc hoạt động từ ngày 01/7/2025;

- Về Luật Khiếu nại: Lược bỏ quy định về hành vi bị nghiêm cấm trong công tác khiếu nại là vi phạm quy chế tiếp công dân (khoản 8 Điều 6 Luật Khiếu nại) do nội dung này đã được điều chỉnh trong Luật Tiếp công dân và không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Luật Khiếu nại.

- Về Luật Tố cáo:

+ Lược bỏ quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong cơ quan hành chính nhà nước của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (khoản 2 Điều 13), do chính quyền cấp huyện đã kết thúc hoạt động từ ngày 01/7/2025;

+ Lược bỏ quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đối với Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện (khoản 2 Điều 15); của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (khoản 4 Điều 15); quy định Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện công vụ của công chức do mình quản lý trực tiếp (khoản 3 Điều 15) để phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 82/2025/QH15 ngày 24/6/2025 (từ ngày 01/7/2025, không còn tổ chức Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện, đồng thời thành lập mới tổ chức Viện kiểm sát khu vực).

3.2. Nội dung bổ sung

a) Luật bổ sung 01/36 điều của Luật Tiếp công dân (Điều 3a); 01/70 điều của Luật Khiếu nại (Điều 11a).

- Về Luật Tiếp công dân: Bổ sung quy định về hình thức tiếp công dân trực tuyến (Điều 3a) nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Kết luận số 107-KL/TW ngày 24/12/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Quy định này sẽ tạo thuận lợi hơn cho người dân khi thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của mình, nhất là trường hợp công dân ở xa, đi lại khó khăn.

- Về Luật Khiếu nại: Bổ sung quy định các trường hợp tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại (Điều 11a) nhằm bảo đảm phù hợp với thực tiễn công tác giải quyết khiếu nại.

b) Luật bổ sung nội dung tại 01/36 điều của Luật Tiếp công dân (Điều 15), 06/70 điều của Luật Khiếu nại (Điều 10, điểm h khoản 1 Điều 12, điểm đ khoản 1 Điều 15; Điều 25; khoản 6 Điều 30; điểm c khoản 1 Điều 56), 02/67 điều của Luật Tố cáo (khoản 7 Điều 12, khoản 8 Điều 13), cụ thể:

- Về Luật Tiếp công dân: Đề chủ động trong việc bố trí nơi tiếp công dân, lựa chọn đơn vị tham mưu tiếp công dân phù hợp với quy mô và đặc thù của địa phương, Luật bổ sung việc tiếp công dân của cấp uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã hoặc địa điểm tiếp công dân theo quy định (khoản 1 Điều 15); Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quy chế tiếp công dân (khoản 2 Điều 15); giao đơn vị phù hợp thực hiện các nhiệm vụ tham mưu tiếp công dân (khoản 3 Điều 15).

- Về Luật Khiếu nại: Để đáp ứng thực tiễn trong công tác giải quyết khiếu nại, Luật bổ sung thêm hình thức rút khiếu nại bằng biên bản ghi nhận ý kiến rút khiếu nại của người khiếu nại khi làm việc với người giải quyết khiếu nại hoặc người xác minh nội dung khiếu nại, đồng thời người khiếu nại có thể rút một phần nội dung khiếu nại (khoản 1 Điều 10); quyền của người khiếu nại (điểm h khoản 1 Điều 12); quyền hạn của người giải quyết khiếu nại lần hai được tham khảo ý kiến của cơ quan chuyên môn khi thấy cần thiết (điểm đ khoản 1 Điều 15); trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị được giao tham mưu giải quyết khiếu nại (Điều 25); trường hợp người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan không tham gia đối thoại thì người giải quyết khiếu nại vẫn tiếp tục giải quyết khiếu nại (khoản 6 Điều 30); bổ sung nội dung về kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu trong Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 (điểm c khoản 1 Điều 56).

- Về Luật Tố cáo: Để đáp ứng thực tiễn trong công tác giải quyết tố cáo, Luật bổ sung thêm quy định về nguyên tắc giải quyết tố cáo đối với các trường hợp không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 12 Luật Tố cáo theo hướng Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm có hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền quản lý của mình (khoản 7 Điều 12); quy định về thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong giải quyết tố cáo để phù hợp với thực tiễn, theo đó, căn cứ vào từng vụ việc cụ thể, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Tổng Thanh tra Chính phủ thụ lý tố cáo sau khi kiểm tra thấy đủ điều kiện thụ lý tố cáo; kết luận nội dung tố cáo và thông báo kết luận nội dung tố cáo sau khi Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến đối với báo

cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo của Tổng Thanh tra Chính phủ (điểm c khoản 8 Điều 13).

3.3. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

Luật sửa đổi, hoàn thiện 10/36 điều của Luật Tiếp công dân (điểm d khoản 1 Điều 4, điểm a khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8, khoản 4 điều 9, điểm c khoản 3 Điều 10, Điều 16, Điều 22, khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 33); 09/70 điều của Luật Khiếu nại (khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 2, điểm a, khoản 4, khoản 5 Điều 8, điểm d, khoản 1 Điều 15, Điều 17, khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 33, khoản 3 Điều 63); 08/67 điều của Luật Tố cáo (khoản 1, khoản 3, điểm a, khoản 4, điểm b khoản 8, Điều 13, Điều 15, Điều 32, khoản 1 Điều 33, khoản 3 Điều 44, bổ sung điểm c, khoản 2 Điều 54)

- Về Luật Tiếp công dân:

+ Sửa đổi quy định trách nhiệm tiếp công dân của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (điểm d khoản 1 Điều 4) để đồng bộ với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

+ Sửa đổi, hoàn thiện quy định về nghĩa vụ của người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh khi đến nơi tiếp công dân (điểm a khoản 2 Điều 7), quy định về quyền của người tiếp công dân (khoản 2 Điều 8).

+ Sửa đổi, hoàn thiện quy định về phân loại, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận tại Trụ sở tiếp công dân; thực hiện việc hướng dẫn hoặc chuyển đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đã được tiếp nhận nhưng không thuộc phạm vi, trách nhiệm xử lý của cơ quan, tổ chức tham gia tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở tiếp công dân (điểm c khoản 3 Điều 10).

+ Sửa đổi quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp tiếp công dân định kỳ tại địa điểm tiếp công dân ít nhất 02 ngày trong 01 tháng (tại khoản 2 Điều 15 hiện nay quy định tiếp công dân ít nhất 01 ngày trong 01 tuần) để đồng bộ với Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân, đồng thời phù hợp với quy mô của cấp xã hiện nay lớn hơn trước đây, phạm vi lĩnh vực quản lý được phân cấp, phân quyền nhiều hơn.

+ Sửa đổi, hoàn thiện quy định về tiếp công dân tại các Bộ không có Thanh tra Bộ thì giao đơn vị phù hợp bố trí công chức làm công tác tiếp công dân (khoản 1 Điều 16); đối với Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thì giao đơn vị phù hợp bố trí công chức làm công tác tiếp công dân (khoản 2 Điều 16).

+ Sửa đổi, hoàn thiện quy định về các cơ quan phối hợp tiếp công dân đã tham gia tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở tiếp công dân ở trung ương, Trụ sở tiếp

công dân cấp tỉnh thì không bố trí địa điểm tiếp công dân thường xuyên tại cơ quan mình (khoản 2 Điều 16).

+ Sửa đổi quy định: Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân cùng cấp hoặc tại nơi tiếp công dân ở địa phương mà đại biểu ứng cử theo sự bố trí của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện việc tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân cấp xã. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm tổ chức công tác tiếp công dân của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình; trực tiếp tiếp công dân thuộc trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cùng cấp (Điều 22).

+ Sửa đổi, hoàn thiện quy định về phân loại, chuyển nội dung khiếu nại, tố cáo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền thụ lý, giải quyết trong quá trình tiếp công dân (điểm b khoản 1 Điều 26).

+ Sửa đổi, hoàn thiện quy định về việc nhà nước đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất, nhân lực, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các phương tiện kỹ thuật khác để thực hiện tiếp công dân (khoản 1 Điều 33).

- Về Luật Khiếu nại:

+ Sửa đổi quy định về chủ thể thực hiện quyền khiếu nại từ “công dân” thành “ cá nhân” (khoản 1, khoản 2 Điều 2) để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30 của Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi năm 2025).

+ Sửa đổi, hoàn thiện quy định về quyền, nghĩa vụ của luật sư, trợ giúp viên pháp lý: xuất trình thẻ luật sư và văn bản ủy quyền khiếu nại; thẻ trợ giúp viên pháp lý và quyết định phân công người thực hiện trợ giúp pháp lý (điểm a khoản 2 Điều 16).

+ Sửa đổi, hoàn thiện thẩm quyền của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, của công chức, viên chức do mình quản lý trực tiếp (Điều 17).

+ Sửa đổi, hoàn thiện quy định liên quan đến hồ sơ, tài liệu gửi kèm theo đơn trong trường hợp khiếu nại lần hai (Điều 33).

+ Sửa đổi, hoàn thiện quy định các Bộ, cơ quan ngang Bộ không có Thanh tra Bộ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì đơn vị được giao tham mưu giải quyết khiếu nại giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp quản lý công tác giải quyết khiếu nại (khoản 3 Điều 63 Luật Khiếu nại).

- Về Luật Tố cáo:

+ Sửa đổi, hoàn thiện thẩm quyền giải quyết tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ, công chức, viên chức do mình quản lý trực tiếp; giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cơ quan, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trực tiếp (khoản 1 Điều 13).

+ Sửa đổi, hoàn thiện quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, công chức do mình bổ nhiệm, quản lý trực tiếp (điểm a khoản 4 Điều 13).

+ Sửa đổi, hoàn thiện quy định về thẩm quyền giải quyết tố cáo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 15).

+ Sửa đổi, hoàn thiện quy định về trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao tham mưu công tác giải quyết tố cáo đối với cơ quan không có cơ quan thanh tra (Điều 31).

+ Sửa đổi, hoàn thiện quy định về trách nhiệm của Tổng Thanh tra Chính phủ trong việc giải quyết tố cáo theo hướng Tổng Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền (điểm b khoản 2 Điều 32).

3.4. Nội dung sửa kỹ thuật

Luật sửa kỹ thuật đối với 04/36 điều của Luật Tiếp công dân; 11/70 điều của Luật Khiếu nại; 04/67 điều của Luật Tố cáo.

- Về Luật Tiếp công dân: Thay cụm từ “Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội” bằng cụm từ “Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội” tại khoản 3 và khoản 4 Điều 11, khoản 2 Điều 20; thay cụm từ “Ban Dân nguyện” bằng cụm từ “Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội” tại khoản 3 Điều 20. Bỏ cụm từ “, **TRỤ SỞ TIẾP CÔNG DÂN CẤP HUYỆN**” tại tên của Chương III; cụm từ “, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện” tại khoản 2 Điều 22; cụm từ “, Ban tiếp công dân cấp huyện” tại khoản 1 Điều 24; khoản 1 và khoản 2 Điều 22, khoản 3 Điều 24.

- Về Luật Khiếu nại:

+ Thay cụm từ “trong nội bộ” thành cụm từ “mang tính nội bộ của” tại khoản 1 Điều 11; Thay cụm từ “quyền, nghĩa vụ” bằng cụm từ “quyền hạn, nhiệm vụ” tại tên Điều 14 và khoản 4 Điều 14, tên Điều 15 và khoản 3 Điều 15, khoản 3 Điều 29; thay từ “quyền” bằng cụm từ “quyền hạn” tại khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 15; thay cụm từ “nghĩa vụ” bằng cụm từ “nhiệm vụ” tại khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 15; thay cụm từ “Thẩm quyền” bằng cụm từ “Trách nhiệm” tại Điều 24, Điều 25; thay cụm từ “Giám đốc sở và cấp tương đương” bằng cụm từ “Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại Điều 20, khoản 2 Điều 21; thay cụm từ “Thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương” bằng cụm từ “Thủ trưởng cơ quan thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại Điều 19; thay cụm từ “Thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương” bằng cụm từ “Thủ trưởng cơ quan thuộc mình quản lý” tại khoản 2 Điều 20; thay cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 2 Điều 21; Thay cụm từ “10 ngày” bằng cụm từ “7 ngày làm việc” tại Điều 27 và khoản 1 Điều 36; thay cụm từ “các khoản 5, 6, 7 và 8” bằng cụm từ “các khoản 5, 6 và 7” tại Điều 68.

+ Bỏ cụm từ “, tiếp công dân” tại Điều 1, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 25; bỏ cụm từ “là một trong những người khiếu nại” tại khoản 5 Điều 8.

- Về Luật Tố cáo: Bổ sung cụm từ “, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao tham mưu giải quyết tố cáo” vào sau cụm từ “Chánh thanh tra các cấp” tại tên Điều 32 và vào sau cụm từ “Chánh thanh tra cấp tỉnh” tại khoản 1 Điều 32; Bổ sung cụm từ “hoặc giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc” vào sau cụm từ “cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp” tại khoản 3 Điều 44; Thay thế cụm từ “quyền và nghĩa vụ” thành cụm từ “nhiệm vụ và quyền hạn” tại Điều 11, khoản 5 Điều 31.

3.5. Nội dung bãi bỏ điều luật

- Về Luật tiếp công dân: Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 10 và Điều 13.
- Về Luật khiếu nại: Bãi bỏ khoản 8 Điều 6 và Điều 18.
- Về Luật tố cáo: Bãi bỏ khoản 2 Điều 13.

3.6. Nội dung cắt giảm thủ tục hành chính

Việc quy định tiếp công dân bằng hình thức trực tuyến (bổ sung mới Điều 3a vào Luật Tiếp công dân) nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho công dân, nâng cao hiệu quả của công tác tiếp công dân, đồng thời góp phần cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Cùng với việc không còn tổ chức cấp huyện và sắp xếp tổ chức bộ máy, góp phần cắt giảm khoảng 30% số lượng thủ tục hành chính trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3.7. Nội dung phân quyền, phân cấp

Luật quy định các nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính chủ động, chịu trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, công vụ, như: Chính phủ quy định về hình thức tiếp công dân trực tuyến; căn cứ tính chất, mức độ của từng vụ việc, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Tổng Thanh tra Chính phủ thụ lý tố cáo sau khi kiểm tra thấy đủ điều kiện thụ lý tố cáo; kết luận nội dung tố cáo và thông báo kết luận nội dung tố cáo sau khi Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến đối với báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo của Tổng Thanh tra Chính phủ (điểm c khoản 8 Điều 13 Luật Tố cáo).

4. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PBGDPL (ĐXDũng).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG